

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67 /2019/HS-ST**
Ngày 27-12-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình.

Ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2019/TLST- HS ngày 11 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Đới Văn M; sinh năm 1984 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT: Xóm 1 Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. chỗ ở hiện nay: Xóm 1, 3 Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không quốc tịch: Việt Nam; con ông Đới Văn T và bà Đỗ Thị T1; vợ con: chưa có;

Tiền án:

+ Bản án số 16 ngày 25 tháng 06 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 200.000đ án phí. Đới Văn M đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20 tháng 3 năm 2019 thì xong án phí vào ngày 21 tháng 9 năm 2018.

Tiền sự:

+ Ngày 25/2/2015 bị Công an xã Yên Mạc, huyện Yên Mô xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, M chưa chấp hành việc nộp phạt.

+ Ngày 13/6/2015 bị Công an huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, M chưa chấp hành việc nộp phạt.

Lịch sử bản thân:

+ Ngày 30/9/1999 bị chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 1391/QĐ-UB đưa vào trường giáo dưỡng, M đã chấp hành xong Quyết định vào ngày 01/10/2001.

+ Ngày 21/3/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và phải nộp 50.000đ án phí hình sự. Đới Văn M đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/6/2004, thi hành xong án phí vào ngày 29/5/2009.

+ Ngày 05/12/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và phải nộp 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm, M đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/12/2007 và nộp án phí vào ngày 29/5/2009.

+ Ngày 22/8/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tuyên phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và phải nộp 50.000đ án phí hình sự. M đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/4/2010 và nộp án phí vào ngày 29/5/2009.

+ Ngày 20/6/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tuyên phạt 39 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” và phải nộp 200.000đ án phí hình sự. M đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13/6/2014 thi hành xong án phí vào ngày 05/10/2011.

+ Ngày 30/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 03/QĐ-TA đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, M chấp hành xong Quyết định vào ngày 26/10/2017.

Bị tạm giữ ngày 04/7/2019 chuyển tạm giam từ ngày 06/7/2019 tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Trần Thị H – sinh năm 1985 và anh Hoàng Văn T2 – sinh năm 1978; trú tại: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Đới Văn T3 – sinh năm 1991; trú tại: Xóm 1, Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

+ Anh Lê Thế C – sinh năm 1985; trú tại: Xóm 3, T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt

- Người làm chứng:

+ Chị Trần Thị S - sinh năm 1992; trú tại: Xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

+ Anh Hoàng Quốc T4– sinh năm 1975; trú tại: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

+ Ông Trần Văn B – sinh năm 1954; trú tại: Xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

+ Bà Đỗ Thị T5– sinh năm 1962; trú tại: Xóm 1, Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/6/2019 M một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI BEST, BKS 35F2-9099 mượn của em rể là Lê Thế C đi từ nhà đến huyện K tìm kiếm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản. M đi đến cầu Thống Nhất gần UBND xã T, cất xe ở đó rồi đi bộ về hướng xã Y đến cửa hàng điện thoại “T” của gia đình anh Hoàng Văn T2 (SN 1978) và chị Trần Thị H (SN 1985) ở xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. M quan sát thấy cửa hàng khóa cửa ở bên trong, trên tầng có mái tum, M liền trèo lên cây bằng lăng nhà ông Tiêu Văn C1 (SN 1960) là hàng xóm nhà anh T2 rồi đi qua mái tôn nhà anh T2 qua cửa tum đang mở rồi đi xuống tầng 1 tìm kiếm tài sản. M qua phòng ngủ thứ nhất có 02 cháu bé gái đang ngủ, không có tài sản gì. M sang phòng ngủ của vợ chồng anh T2 và chị H thì thấy ở cuối giường có số tiền 5.015.000đ, M lấy bỏ vào túi quần bên phải, rồi M đi ra gian bán hàng điện thoại lấy ở 02 tủ kính 28 chiếc điện thoại di động và 01 máy tính bảng hiệu Ipad 1 cho hết vào chiếc túi sách bằng giấy bìa cứng bên ngoài có chữ “Vettel” rồi đi lên gian gác xép thì thấy 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer đang để trên bàn học, M lấy máy tính xách tay và dây sạc rồi theo đường cũ ra ngoài lấy xe mô tô đi về nhà ở xóm 1, Đ, xã Y, huyện Y cất dấu tài sản vừa trộm cắp ở chuồng gà của gia đình rồi đi ngủ. Đến 08 giờ cùng ngày M dậy kiểm đếm số tiền đã trộm cắp được, rồi đi ra đồ 10 thuộc huyện Y, tỉnh Ninh Bình mua 01 gói Heroine với giá 200,000đ của 01 người đàn ông không quen biết để sử dụng, số tiền còn lại M tiêu sài cá nhân hết. Về nhà M lấy trong số đồ trộm cắp 01 điện thoại Samsung Galxy J7 Prime màu vàng để sử dụng còn lại M chia làm 03 phần: Phần thứ nhất gồm 07 điện thoại đều có nhãn hiệu Iphone M cho vào túi bóng để riêng; phần thứ hai gồm 15 điện thoại và 01 máy tính bảng, M cho vào túi sách màu vàng xám rồi mang cất dấu dưới chăn bông trong góc phòng ngủ của mẹ là bà Đỗ Thị T5; phần thứ ba gồm 05 chiếc điện thoại và 01 máy tính xách tay kèm theo dây sạc M cho vào 01 ba lô màu rằn ri, đến trưa ngày 28/6/2019 khi Lê Thế C đến lấy xe mô tô, M đưa cho C ba lô và nói: “chiếc máy tính cho mấy cháu nhỏ nó học, còn điện thoại xem dùng được cái nào thì lấy 01 cái mà dùng” nghe vậy C không hỏi M về nguồn gốc tài sản mà cầm chiếc ba lô M đưa mang về nhà. Đến khoảng 09 giờ ngày 29/6/2019 M đi xuống gian buồng bếp nơi em trai M là Đới Văn T3 đang ngủ và nói: “Túi đồ anh để trong buồng nhà trên, nếu anh bị công an bắt thì em dấu hộ anh”. Sau đó M lấy 07 điện thoại đã bỏ riêng ở túi bóng bắt xe khách đi Hà Nội gặp và bán cho 01 người đàn ông không quen biết tại khu vực bến xe Giáp Bát được tổng số tiền 5.000.000đ rồi dùng tiền tiêu sài cá nhân. Khi đang ở Hà Nội, M tiếp tục gọi điện thoại về nhờ T3 cất chiếc túi đã dặn T3 từ trước. Đến trưa ngày 03/7/2019 Cơ quan CSĐT công an huyện K triệu tập Đới Văn M để làm việc qua việc kiểm tra phát hiện chiếc điện thoại Samsung galay J7 prime màu vàng chính là chiếc điện thoại có số Imei trùng với số Imei của 01 điện thoại bị mất ở nhà anh T2 và M cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình nên Cơ quan CSĐT công an huyện K đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, thu giữ của M số tiền 1.377.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galay J7 prime màu vàng có số Imei 355726099061203 và 3557275099061201; 01 ống

Novocain 3% bằng thủy tinh và 01 đầu kim tiêm có nắp nhựa bảo vệ. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đới Văn M tại xóm 3, Đ, Y, Y, tỉnh Ninh Bình thu giữ 01 khẩu trang y tế màu xanh có dòng chữ “Double safe”; 01 mũ lưỡi trai màu xám phía trước có ghi chữ “Adidas; 01 đèn pin màu đen viền màu vàng. Cơ quan công an thu giữ 01 ba lô màu rằn ri bên trong có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer và 01 dây sạc; 05 điện thoại di động gồm: 01 chiếc Huawei, 01 chiếc ITEL, 03 chiếc Samsung, 01 xe mô tô Suzuki Best BKS 35F2-9099 và 01 chiếc túi xách màu xám vàng bên trong có túi bìa cứng có chữ “Viettel” bên trong có: 01 máy tính bảng iPad 1, 03 điện thoại Iphone, 03 điện thoại Samsung, 05 điện thoại OPPO, 01 điện thoại Sony, 01 điện thoại Nokia, 01 điện thoại ITEL, 01 điện thoại Xiaomi Redmi do Lê Thế C và Đới Văn T3 tự nguyện giao nộp. Ngoài ra còn thu giữ của T3 02 điện thoại gồm 01 điện thoại Asus –TooQ màu trắng đen và 01 điện thoại LG G3 màu xám của T3 dùng liên lạc với Đới Văn M; 07 chiếc điện thoại M đem đi Hà Nội tiêu thụ không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/HĐ ĐG ngày 06/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K kết luận: Chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer kèm theo dây sạc, chiếc máy tính bảng Ipad 1 và 28 điện thoại các loại thuộc các nhãn hiệu Iphone, SamSung, Oppo, Sony, Nokia, ITEL, Xiaomi của gia đình anh Hoàng Văn T2 và chị Trần Thị H có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là 101.778.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản và tiền Đới Văn M đã trộm cắp của gia đình anh Hoàng Văn T2 và chị Trần Thị H vào ngày 28/6/2019 là 106.793.000đ.

Cáo trạng số 02/CT – VKS – KS ngày 09 tháng 12 năm 2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Đới Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đới Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Căn cứ điểm c khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đới Văn M 4 (bốn) năm đến 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày tạm giữ bị cáo là ngày 04 tháng 7 năm 2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đới Văn M phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn T2 số tiền 38.761.000đ

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa hôm nay của bị cáo Đới Văn M như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 1 giờ 30 phút ngày 28 tháng 6 năm 2019 bị cáo Đới Văn M đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của vợ chồng chị Trần Thị H và anh anh Hoàng Văn T2 ở xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình trộm cắp tài sản bao gồm: 01 Laptop nhãn hiệu Acer cùng 01 dây sạc, 01 máy tính bảng Ipad và 28 điện thoại di động các loại cùng số tiền 5.015.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng chị H anh Tòng là 106.793.000đ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Việc bị cáo Đới Văn M lén lút đột nhập vào nhà của vợ chồng chị Trần Thị H và anh anh Hoàng Văn T2 trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Bị cáo M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ mình trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đới Văn M là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị các cơ quan pháp luật xử lý và kết án về các hành vi trộm cắp tài sản, hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy. Tháng 06 năm 2018 bị cáo Đới Văn M bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Như vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với anh Đới Văn T3 và anh Lê Thế C là những người đã cất dấu giúp bị cáo M những tài sản do M trộm cắp mà có tuy nhiên cả anh C và anh T3 đều không được bàn bạc, thống nhất trước việc cất dấu tài sản cho M, mặt khác hai anh không biết rõ những tài sản cất dấu là do M trộm cắp mà có, quá trình điều tra không có đủ căn cứ để xử lý T3 và C về tội “ Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 BLHS. Đối với người đàn ông đã bán Heroin cho M và người đàn ông đã mua 07 điện thoại di động các loại của M tại khu vực bến xe Giáp Bát, bản thân M không quen biết những người này do vậy không đủ căn cứ để xử lý hai người đàn ông này.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn T2 là bị hại trong vụ án yêu cầu bị cáo Đới Văn M phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh chị giá trị của 07 chiếc điện thoại di động do bị cáo đã bán và không thu hồi được có tổng giá trị là 33.746.000đ cùng số tiền 5.015.000đ bị cáo đã trộm cắp của anh chị. Tổng số tiền anh T2, chị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 38.761.000đ. Căn cứ vào các điều điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Đới Văn M phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn T2 khoản tiền trên.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ và xử lý xong một số tài sản là vật chứng của vụ án với hình thức trả lại cho bị hại vợ chồng chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn T2 gồm: 01 Laptop nhãn hiệu Acer cùng 01 dây sạc, 01 máy tính bảng Ipad và 21 điện thoại di động các loại. Do vậy hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K số tiền 1.377.000đ và một số tài sản, vật chứng khác. Trong đó số tiền 1.377.000đ là tiền của bị cáo M giao nộp từ số tiền bán tài sản trộm cắp, nên nay cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án về trách nhiệm dân sự của bị cáo. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, BKS 35F2 - 9099 màu đỏ do bị cáo mượn của Lê Thế C là em rể bị cáo. Anh C cho bị cáo mượn xe máy và không biết việc

bị cáo M sử dụng xe máy vào việc đi trộm cắp tài sản. Do vậy cần trả lại xe máy cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thế C. Đối với 01 điện thoại di động Asus –TooQ màu trắng đen và 01 điện thoại di động LG – G3 màu xám của anh Đới Văn T3 dùng liên lạc với bị cáo Mạnh, quá trình điều tra xác định hai điện thoại di động này không liên quan đến việc phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo nên cần trả lại cho anh T3 theo quy định của pháp luật. Đối với 01 khẩu trang y tế, 01 mũ lưỡi trai, 01 đèn pin, 01 Ba lô màu rằn ri, 01 túi sách có dây đeo màu xám vàng nhạt, 01 túi niêm phong bên trong có 01 ống Novocain và 01 kim tiêm có nắp nhựa bảo vệ; 02 vỏ túi niêm phong ban đầu. Đây là những vật chứng bị cáo dùng vào việc phạm tội và những vật chứng niêm phong ban đầu phục vụ cho việc điều tra vụ án. Hiện các tài sản vật chứng này không còn giá trị sử dụng. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đới Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đới Văn M 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 04 tháng 7 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đới Văn M phải có trách nhiệm bồi thường cho gia đình chị Trần Thị H và anh Hoàng Văn T2 số tiền

là 38.761.000đ. Bị cáo đã giao nộp 1.377.000đ, còn phải bồi thường tiếp cho chị H và anh T2 số tiền 37.384.000đ.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Trả lại cho anh Lê Thế C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, BKS 35F2 - 9099 màu đỏ cùng 01 Đăng ký xe mô tô BKS 35F2 – 9099.

- Trả lại cho anh Đới Văn T3 01 điện thoại di động Asus –TooQ màu trắng đen và 01 điện thoại di động LG – G3 màu xám

- Tịch thu tiêu hủy: 01 khẩu trang y tế, 01 mũ lưỡi trai, 01 đèn pin, 01 Ba lô màu rằn ri, 01 túi sách có dây đeo màu xám vàng nhạt, 01 túi niêm phong bên trong có 01 ống Novocain và 01 kim tiêm có nắp nhựa bảo vệ; 02 vỏ túi niêm phong ban đầu.

- Tiếp tục quản lý số tiền 1.377.000đ đã thu giữ của bị cáo M để đảm bảo thi hành án về khoản tiền bị cáo phải bồi thường.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 12 năm 2019 và giấy Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đới Văn M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.938.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 375 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày (27/12/2019). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục THA dân sự huyện K
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

(Đã ký)

Trần Thị Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2019), bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Kim Sơn.
- Công an huyện Kim Sơn
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Sơn
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Khanh